

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HS-ST

Ngày: 04-3-2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Anh;

Bà Lương Thị Kim Nghĩa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương –
Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026; tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2026/HSST ngày 05 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Đặng M H1, sinh năm 20xx tại B (nay là C)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm x, phường D, thị xã E, tỉnh B nay là phường D, tỉnh C; nơi cư trú: không có nơi cư trú nhất định, nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 04/12, dân tộc: kinh, giới tính: nam, quốc tịch: Việt Nam, con ông Đặng H2 T (đã chết) và bà Lê Thị T1 T2 (đã chết); chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 21/11/2018, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 14/10/2020 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2025, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: bà Trần T3 H3, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: số xxx/xxx, Đường x, phường F, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Đặng M H1 nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người khác để bán lấy tiền; khoảng 08 giờ, ngày 19/5/2025, H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số XXXX-XXX.XX lưu thông trên các tuyến đường thuộc địa bàn phường F, Thành phố H tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi lưu thông đến trước cửa hàng tạp hóa số xxx, Đường xx/x, phường F thì thấy chị Trần T3 H3 đang ngồi trên xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số xxxx-xxxxx dừng trước cửa hàng mua tạp hóa, trên cổ chị H3 có đeo 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng nên H1 nảy sinh ý định chiếm đoạt.

Để thực hiện, H1 cho xe mô tô biển số XXXX-XXX.XX quay đầu lại và dừng trước đầu xe mô tô của chị H3 để quan sát rõ hơn sợi dây chuyền trên cổ của chị H3 và mọi người xung quanh, lúc này chị H3 vẫn đang mua đồ. Khi chủ cửa hàng mang hàng hóa ra đưa cho chị H3 xong thì H1 kêu chủ cửa hàng bán cho H1 01 gói thuốc lá Jet, nghe vậy nên chủ cửa hàng tạp hóa quay vào bên trong lấy gói thuốc, do xe H1 đậu chắn phía trước nên chị H3 nhìn H1 và dùng tay ra hiệu xin nhường đường để điều khiển xe rời đi, thì bất ngờ H1 điều khiển xe mô tô tăng ga áp sát phía bên trái xe mô tô chị H3, rồi dùng tay trái giật nhanh sợi dây chuyền trên cổ của chị H3, theo phản xạ chị H3 dùng tay trái nắm lấy tay áo khoác ngoài kiểu ca rô màu xanh mà H1 đang mặc, làm rách tay áo và cúc áo sơ mi.

Bị chị H3 phản kháng, H1 giật mạnh tay trái lấy được sợi dây chuyền bị đứt ra khỏi cổ của chị H3, H1 cầm trên tay sợi dây chuyền, bỏ vào hộc bên trái xe mô tô biển số XXXX-XXX.XX rồi nhanh chóng tăng ga xe bỏ chạy về hướng Đường số xx, di chuyển đến đường G, tại đối diện nhà số xxx/x, Đường số xx, phường F, H1 lấy một bao ni lông, màu đen có sẵn trên xe mô tô, cởi áo khoác (bị rách cổ tay và mất cúc) bỏ vào bao ni lông rồi vứt bỏ xuống bờ kênh, không thu giữ được.

Sau đó, H1 điều khiển xe lưu thông đến nhà chị ruột tên Đặng Thị T4 P tại Đường số x, phường F, do cửa nhà chị P không khóa nên H1 vào trong nhà gặp P, lúc thấy chị P thì H1 đưa sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng vừa cướp giật được và nói “Chị tìm chỗ sửa dùm em, nếu công sửa mắc quá thì bán dùm em, em đang cần tiền mua đồ”. Chị P nghe vậy nên hỏi “Sợi dây chuyền đâu mà có” thì H1 trả lời “Của em do cãi vả với vợ em nên bị đứt”, chị P đồng ý và nhận sợi dây chuyền từ H1 và chuẩn bị đi làm. H1 nói với chị P xe mô tô biển số XXXX-XXX.XX của H1 bị hư nên xin để xe lại nhà của chị P, đến chiều cùng ngày H1 qua lấy đi sửa, rồi kêu chị P đặt xe ôm cho H1 về nhà tại số xxx,

đường Y, phường V, Thành phố H. Chị P rời khỏi nhà đi làm, còn H1 đứng ở ngoài trước cửa nhà chờ xe đến rước.

Trên đường đi làm, chị P nhìn thấy có tiệm vàng K, số xxx, đường Q, phường W, Thành phố H do anh Đặng H4 V1 làm chủ. Chị P dừng xe vào tiệm vàng gặp chị Nguyễn Thị N Y1 (vợ anh V1). Chị Y1 trao đổi với chị P về việc mua bán sợi dây chuyền với giá 22.833.000 đồng. Chị P đồng ý bán sợi dây chuyền với mức giá trên. P hỏi Y1 có chuyển khoản vào số tài khoản được không thì chị Y1 trả lời tài khoản không đủ tiền nên yêu cầu chị P nhận tiền mặt 22.833.000 đồng. Sau khi bán được sợi dây chuyền, chị P gọi điện thoại báo cho H1 báo bán được 17.000.000 đồng. Chị P không báo đủ số tiền bán được sợi dây chuyền là do muốn giữ lại 5.833.000 đồng vì chị P có ý định muốn dùng số tiền này để đi chuộc xe mô tô của Võ N1 M (tên thường gọi là T5) để trả lại cho T5 do trước đó H1 đã mượn xe này của T5 và đi cầm nhưng H1 chưa có tiền chuộc lại.

Chị P báo H1 chiều đi làm về rồi sẽ đưa tiền mặt cho H1 nhưng H1 không đồng ý yêu cầu chị P chuyển khoản vào tài khoản của bạn gái H1 là Nguyễn T3 T6 số tiền 16.000.000 đồng do H1 đang cần tiền để mua đồ, còn số tiền 1.000.000 đồng H1 cho con chị P. Sau đó, chị P điều khiển xe đến tiệm cầm đồ trên đường L1 (không nhớ địa chỉ) đưa cho chủ tiệm (không biết tên) 17.000.000 đồng để chuyển vào tài khoản số xxxxxxxxxxxx ngân hàng S của Đặng Thị T4 P, rồi P sẽ chuyển cho H1, do lúc này P không biết chuyển tiền cho H1 qua tài khoản ngân hàng nào. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, H1 gọi điện thoại qua messenger và đưa hình ảnh có mã QR tài khoản số xxxxxxxxxxxx ngân hàng V2 tên Nguyễn T3 T6 và nói với chị P chuyển khoản tiền cho H1 vào tài khoản này. Sau khi chuyển khoản cho H1 xong, chị P đến công ty để làm việc. Số tiền còn lại là 6.833.000 đồng chị P giữ. Đến ngày 20/5/2025, khi chị P nghe H1 bị công an phường F, Thành phố H mời lên làm việc; sau khi đến Công an phường, chị P mới biết việc H1 đi cướp giật tài sản của người khác, chị P không biết sợi dây chuyền mà H1 đưa cho chị P là tài sản do H1 phạm tội mà có nên chị P đã đồng ý đem bán dùm cho H1, chị P đã khai nhận toàn bộ sự việc trên và giao nộp lại công an phường toàn bộ số tiền 6.833.000 đồng chị P còn giữ của H1 để phục vụ điều tra vụ án.

Tiến hành làm việc với chị Nguyễn Thị N Y1, cơ quan điều tra ghi nhận: sau khi mua sợi dây chuyền của chị P do sợi dây chuyền không có hóa đơn và đã bị cũ, bạc màu nên chị Y1 đã bỏ vào hộp đựng các trang sức riêng tại cửa tiệm để nấu chảy thành thỏi và đem đổi các trang sức về mua bán cho khách hàng. Ngày 20/5/2025, anh V1 đã đem các trang sức đựng trong hộp riêng này (trong đó có sợi dây chuyền chị Y1 mua của P) đem nấu chảy thành thỏi, hiện sợi dây chuyền đã không còn nguyên hiện trạng ban đầu. Chị Y1 và anh V1 khi biết sợi dây chuyền đã mua là tài sản do người khác phạm tội mà có đã tự nguyện giao

nộp lại một thỏi kim loại (có chứa sợi dây chuyền đã nấu chảy) phục vụ cho công tác điều tra.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, chị H3 đến Công an phường Bình Hưng Hòa trình báo vụ việc. Công an phường lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý theo thẩm quyền. Qua công tác truy xét Công an mời Đặng M H1 về làm việc, tại Cơ quan điều tra, H1 khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản như trên. H1 khai nhận số tài khoản xxxxxxxxxxxx ngân hàng V2 tên Nguyễn T3 T6 không phải của H1 mà là của bạn gái tên Nguyễn T3 T6, do H1 không có tài khoản ngân hàng nên đã tự lấy điện thoại di động của T7 và tìm kiếm mã QR tài khoản ngân hàng của chị T7 để gửi cho chị P yêu cầu chị P chuyển tiền vào tài khoản này cho H1, việc H1 đi cướp giật và lấy mã QR tài khoản ngân hàng của mình để nhận tiền thì chị T7 không biết, sau khi phát hiện số dư tài khoản của mình nhận được số tiền 16.000.000 đồng từ tài khoản số xxxxxxxxxxxx ngân hàng S tên Đặng Thị T4 P, do chị T7 biết chị P là chị ruột của H1 nên chị T7 nói chuyện với H1 và hỏi về số tiền này nhưng H1 không nói cho chị T7 biết đây là tiền bán sợi dây chuyền do mình cướp giật được mà có.

Làm việc tại công an, chị T7 không biết được số tiền trên là do H1 cướp giật được sợi dây chuyền mà có, chị T7 đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền 16.000.000 đồng cho cơ quan công an.

Cáo trạng số 166/CT-VKSKV9 ngày 29/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 –Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đặng M H1 (có lý lịch nêu trên) ra trước Tòa án nhân dân khu vực 9 –Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng M H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản là sợi dây chuyền kim loại màu trắng của chị H3 đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Đặng M H1 mức án tù 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Bị cáo không tranh luận và không bào chữa về hành vi phạm tội của mình. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Đặng M H1 phù hợp với lời khai của người bị hại, người có liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Do cần tiền tiêu xài nên khoảng 08 giờ, ngày 19/5/2025, Đặng M H1 đã có hành vi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số XXXX-XXX.XX và dùng tay trái giật sợi dây chuyền kim loại màu trắng đang đeo trên cổ của chị Trần T3 H3; bị chị H3 dùng tay trái nắm lại, làm rách tay áo và cúc áo khoác của H1. Sau khi giật được sợi dây chuyền, H1 đã tăng ga, nhanh chóng bỏ chạy về hướng Đường số xx, di chuyển đến đường G và cởi áo khoác (bị rách cổ tay và mất cúc) bỏ vào bao ni lông rồi vứt bỏ xuống bờ kênh tại đối diện nhà số xxx/x, Đường số xx, phường F.

Kết luận định giá số 421/KL-HĐĐGTS ngày 26/06/2025 của Hội đồng Định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Bình Tân (cũ) kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng (dây Ý), hàm lượng vàng 75%, mã XXXXXXXXXXXXXXXXXX.XXX, trọng lượng 39.105 (03 chỉ 09 phân 105), mua từ năm 2023 thời điểm bị chiếm đoạt ngày 19/05/2025 có giá 23.071.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo đã có hành vi cướp giật tài sản là điện thoại di động của người bị hại; bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện; thể hiện sự liều lĩnh và táo bạo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, xâm phạm trật tự an ninh xã hội tại địa P, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người dân.

Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình đồng thời phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho

xã hội do hành vi của bị cáo gây ra; như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo, đồng thời đảm bảo phòng ngừa chung cho những hành vi tương tự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Nhân thân của bị cáo từng bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi được và trả cho người bị hại; người bị hại đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác; Hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng H4 V1 đã được nhận lại số tiền bỏ ra khi mua sợi dây chuyền từ Đặng Thị T4 P là 22.833.000 đồng và không có yêu cầu gì khác; Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đối với Đặng Thị T4 P nhận dây chuyền từ H1, mang ra tiệm vàng K bán cho Nguyễn Thị N Y1, sau đó thì chuyển 16.000.000 đồng vào tài khoản cho Nguyễn T3 T6. Xét, Đặng Thị T4 P, Nguyễn Thị N Y1 và Nguyễn T3 T6 đều không biết nguồn gốc tài sản là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có cơ sở.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số XXXX-XXX.XX. Qua giám định số khung, số máy nguyên thủy không bị đục lại, kết quả tra cứu: Không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng.

Kết quả điều tra thể hiện xe do chị Nguyễn Ngọc P T7 đứng tên chủ sở hữu; năm 2014, chị T7 mua chiếc xe nêu trên về sử dụng để làm P tiện đi lại, thời điểm T7 mua xe có giấy tờ đăng ký xe do T7 đứng tên chủ sở hữu. Vào khoảng năm 2018, chị T7 đã bán xe lại cho người phụ nữ không rõ lai lịch.

Chị Nguyễn B1 T8 khai vào năm 2018, chị T8 mua xe mô tô biển số XXXX-XXX.XX nhãn hiệu Honda Vision của một người bạn (không nhớ rõ họ tên) với giá 19 triệu đồng về sử dụng để làm P tiện đi lại, thời điểm chị T8 mua xe chỉ làm giấy tờ tay, không có công chứng, khi mua người này có đưa chị T8 một giấy tờ đăng ký xe tên Nguyễn Ngọc P T7, sau đó chị T8 không có sang tên mà sử dụng làm P tiện đi lại H3 ngày; chị T8 cho chị Nguyễn T3 T6 mượn để đi làm, nhưng chị T8 không biết việc H1 (bạn trai của T7) lấy xe làm P tiện cưới

giật tài sản. Cơ quan điều tra đã trả xe lại cho chị Nguyễn B1 T8; Hội đồng xét xử không xét.

Đôi với 01 (một) áo thun tay dài màu đen, một quần thun dài màu đen, một đôi dép quai kẹp màu xám; là trang phục bị cáo mặc khi sử dụng vào việc phạm tội; xét tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Đặng M H1 phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Xử phạt bị cáo Đặng M H1 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2025.

2/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo thun tay dài màu đen, 01 (một) quần thun dài màu đen và 01 (một) đôi dép quai kẹp màu xám

Số vật chứng trên hiện do Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đang tạm giữ theo PH1 nhập kho số PNK26/9-107BT ngày 09/01/2026.

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Đặng M H1 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án riêng người bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 9 – TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Phòng PV06 - Công an TP. HCM;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu: HS, VP.

Nguyễn Quốc Thái